

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2014/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp Lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 257/TTr-SNV ngày 04 tháng 06 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ~~net~~

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH (B: b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Trọng Hải

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2014/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Thôn, buôn, tổ dân phố

Thôn, buôn thuộc xã, phường, thị trấn; tổ dân phố thuộc phường, thị trấn, không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư; nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố

Đối với các quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Chương I, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, BUÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, buôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn, buôn có Trưởng thôn, buôn, 01 Phó Trưởng thôn, buôn và các tổ chức tự quản khác của thôn, buôn. Trường hợp thôn, buôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Phó Trưởng thôn, buôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, 01 Tổ Phó tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác của tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Tổ Phó tổ dân phố.

Điều 5. Quy mô thôn, buôn, tổ dân phố

1. Giữ nguyên các thôn, buôn, tổ dân phố hiện có, đang hoạt động ổn định. Trong trường hợp quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân, đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, thực sự cần thiết thì mới thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới.

2. Trường hợp thành lập phường, thị trấn từ xã thì chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với thôn, buôn, tổ dân phố mới (kể cả việc bố trí, sắp xếp lại cho thích hợp) thì căn cứ vào dân số, địa lý tự nhiên, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; riêng đối với thôn mới phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

- Việc thành lập thôn, buôn mới phải có ít nhất từ 100 hộ gia đình trở lên. Riêng đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn ... (quy định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố) phải có ít nhất 50 hộ gia đình trở lên.

- Việc thành lập tổ dân phố mới phải có từ 200 hộ gia đình trở lên.

Điều 6. Hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố

Đối với các quy định về hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Chương II, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 7. Hội nghị của thôn, buôn, tổ dân phố

Đối với các quy định về Hội nghị của thôn, buôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Chương II, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới (bao gồm cả việc sáp nhập)

1. Quy trình thực hiện:

a) Căn cứ vào quy định tại Điều 3, Điều 5 của quy chế này, UBND cấp xã kiến nghị UBND cấp huyện, UBND cấp huyện trình UBND tỉnh (qua Sở nội vụ) xin chủ trương về việc thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới.

Sở Nội vụ có trách nhiệm khảo sát, thẩm định; nếu đủ điều kiện Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định chủ trương về việc thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới.

Sau khi có chủ trương của UBND tỉnh, Sở Nội vụ thông báo và phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã lập Đề án thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới;
- Tên gọi của thôn, buôn, tổ dân phố mới;
- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, buôn, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, buôn, tổ dân phố mới;
- Diện tích tự nhiên của thôn, buôn, tổ dân phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là ha (hecta);

- Các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Quy chế này;
- Kiến nghị và đề xuất.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản.

c) Nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành về Đề án thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản tổng hợp và biên bản chi tiết lấy ý kiến của cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình và đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới theo đúng quy định.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đề án thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới;
- Biên bản tổng hợp và biên bản chi tiết lấy ý kiến của cử tri;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố

1. Cụm dân cư được hình thành do quá trình giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc do việc di dân từ vùng này sang vùng khác nhưng không đủ điều kiện để thành lập thành thôn, buôn, tổ dân phố mới thì ghép với các thôn, buôn, tổ dân phố hiện có gần nhất.

2. Quy trình ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố hiện có sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố;

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, buôn, tổ dân phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí);

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, buôn, tổ dân phố sau khi ghép;

- Diện tích tự nhiên của thôn, buôn, tổ dân phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là ha (hecta);

- Kiến nghị và đề xuất.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, buôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản chi tiết.

c) Nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản tổng hợp và biên bản chi tiết lấy ý kiến của cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét giải quyết.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố hiện có; gửi quyết định về Sở Nội vụ theo dõi.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố hiện có;
- Biên bản tổng hợp và biên bản chi tiết lấy ý kiến của cử tri;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, buôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt,

được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố là hai năm rưỡi (30 tháng).

Điều 11. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở thôn, buôn, tổ dân phố và cấp ủy, đồng thời chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội ở thôn, buôn, tổ dân phố nhằm tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố được làm việc với các cơ quan, đơn vị của Trung ương, địa phương đóng trên địa bàn; làm việc với các thôn, buôn, tổ dân phố trong xã, phường, thị trấn và các xã, phường, thị trấn lân cận để thực hiện tốt công tác tự quản ở thôn, buôn, tổ dân phố mình.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ chính sách của Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố

a) Bảo đảm các hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy chế này.

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, buôn, tổ dân phố.

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, buôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn, buôn, tổ dân phố thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao.

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, buôn, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật.

e) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, buôn, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", phong trào "Dân vận khéo" và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

f) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, buôn, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với

Ủy ban nhân dân cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, buôn, tổ dân phố.

g) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, buôn, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn, buôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, buôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn, buôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quân chủng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật.

i) Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, buôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn của Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, buôn, tổ dân phố đầu tư đã được Hội nghị thôn, buôn, tổ dân phố thông qua.

b) Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố giúp việc; phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố; được cấp trên mời dự họp về các vấn đề liên quan.

c) Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố giúp Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố triển khai các nội dung công việc được phân công.

4. Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố, được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành.

Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, buôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nguyên tắc tổ chức bầu, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

Việc tổ chức bầu, công nhận; việc xem xét đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chỉ định chức danh Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng

thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố phải thực sự dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và quyền làm chủ của nhân dân và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 1

QUY TRÌNH BẦU TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Công tác chuẩn bị

Đối với các quy định về công tác chuẩn bị được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Mục 1, Chương II, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 15. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

Đối với các quy định về tổ chức bầu cử Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và 8, Mục 1, Chương II, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 16. Quy trình bầu cử Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

Quy trình bầu cử Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố được thực hiện như đối với Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

Điều 17. Công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ Trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại. Trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu cử

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Mục 2

QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, BUÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 19. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố

Đối với các quy định về quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Mục 2, Chương II, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 20. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố

Đối với các quy định về quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Mục 2, Chương II, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 21. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố được thực hiện như đối với Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

Mục 3

**QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH TRƯỞNG THÔN, BUÔN,
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ LÂM THỜI**

Điều 22. Chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời

1. Các trường hợp chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

a) Thành lập mới, sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố.

b) Khuyết Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố (là trường hợp các thôn, buôn, tổ dân phố đã có Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố nhưng sau đó miễn nhiệm, bị bãi nhiệm, chuyển công tác khác mà tại thôn, buôn, tổ dân phố không có Phó Trưởng thôn, buôn, Tổ Phó tổ dân phố và chưa bầu được Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố mới để thay thế).

c) Trong trường hợp tổ chức bầu lại Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố không đạt kết quả.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, buôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố nhưng thời hạn tối đa không quá 6 tháng. Việc chỉ định lâm thời chỉ áp dụng đối với Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

2. Trình tự, thủ tục chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong trường hợp thành lập, sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố mới và khuyết Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, buôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì hội nghị hiệp thương gồm: Bí thư chi bộ và Trưởng các tổ chức đoàn thể của

thôn, buôn, tổ dân phố (Chi hội phụ nữ, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi đoàn thanh niên, Chi hội người cao tuổi) để giới thiệu nhân sự đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

Người được giới thiệu chỉ định chức danh Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời phải bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và phải được đa số các thành viên thuộc thành phần tham dự hội nghị hiệp thương nhất trí giới thiệu.

Hội nghị hiệp thương phải lập biên bản, ghi đầy đủ, chính xác các nội dung đã diễn ra tại hội nghị.

Sau khi hội nghị hiệp thương kết thúc, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, buôn, tổ dân phố hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, nếu đảm bảo đúng, đủ hồ sơ và người được đề nghị chỉ định chức danh Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong thời hạn chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; thông báo cho thôn, buôn, tổ dân phố biết; giao nhiệm vụ cho người được chỉ định giữ chức Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời quản lý, điều hành hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình chỉ định Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong trường hợp bầu cử lại không đạt kết quả

a) Người được chỉ định làm Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời phải trong số những người đã ứng cử chính thức để bầu cử Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố, nhưng bầu cử chưa đạt kết quả.

b) Căn cứ vào danh sách những người đã ứng cử chính thức để bầu cử Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ định người giữ chức danh Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong thời hạn chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày bầu cử lại Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố chưa đạt kết quả; thông báo cho thôn, buôn, tổ dân phố biết; giao nhiệm vụ cho người được chỉ định giữ chức Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời quản lý, điều hành hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp bầu lại không đạt kết quả và những người ứng cử chính thức trong cuộc bầu cử lại có đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, thì các cơ quan, tổ chức có liên quan phải xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu tất cả những người ứng cử chính thức trong cuộc bầu cử lại không đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thì phải tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự theo quy định tại khoản 2 Điều này để chỉ định người giữ chức danh Trưởng thôn, buôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng thống nhất ở các thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

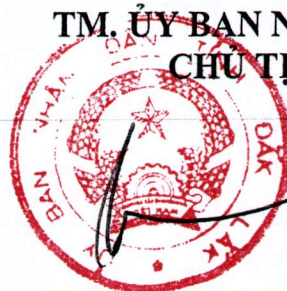
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, buôn, tổ dân phố hiện có theo đúng quy định của pháp luật; Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế trên địa bàn; Báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

3. Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định việc đổi tên, sáp nhập, thành lập thôn, buôn, tổ dân phố mới; tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chí phân loại thôn, buôn, tổ dân phố và quyết định kết quả phân loại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế; định kỳ hàng năm báo cáo việc thực hiện quy chế cho UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có những vướng mắc hoặc chưa phù hợp đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Trọng Hải